

Tiếng Việt qua Dòng Tên

Công cuộc truyền giáo của Dòng Tên tại Việt Nam và tiếng Việt

Ở Việt Nam cũng như ở các nơi khác, nỗ lực truyền giáo đã đi đôi với những thực hiện cao độ trong lãnh vực văn hóa. Năm 1615 ngay khi khởi công truyền giáo tại Việt Nam, các tu sĩ Dòng Tên của Tỉnh dòng Nhật Bản đã có một kinh nghiệm hơn hai mươi năm nghiên cứu và sáng chế về ngữ học tiếng Nhật (47), Sự kiện đó rất hữu ích vì đối chiếu với tiếng Trung Hoa, tiếng Việt và tiếng Nhật có một vị thế tương tự, và vì hai thứ tiếng này cùng chịu một loại ảnh hưởng xuyên qua lối chữ vuông (48).

Những bản dịch các bản văn Ki-tô giáo đầu tiên ra tiếng Việt có từ năm 1618, và phần thiết yếu do công của Francisco de Pina, linh mục Dòng Tên sinh ở Bồ Đào Nha (49); ông đã tốt nghiệp ở trường Macao, bấy giờ nhà văn phạm nổi tiếng về tiếng Nhật Jaão Rodrigues "Tcuzzu" cũng hiện diện tại đây từ năm 1610 (50). Trong công việc của mình, linh mục Pina nhờ đến sự giúp đỡ rất hữu hiệu của một văn nhân Việt Nam trẻ tuổi có tên rửa tội là Phê-rô; kiến thức uyên bác về chữ Hán của người trẻ tuổi này hẳn rất là hữu ích trong công việc của Pina.

Những sự kiện đó rút ra từ một bản phúc trình chính thức của cơ sở truyền giáo: "Người ấy (một nhân sĩ thân quen với đoàn truyền giáo) có một người con trai mười sáu tuổi, là thanh niên lanh lợi và thông minh nhất trong vùng; anh này lại viết chữ Hán rất đẹp, được dân chúng hâm mộ vô cùng... Anh tên thánh rửa tội là Phê-rô, nhờ có tài hay chữ nên giúp linh mục rất nhiều trong việc dịch kinh "Pater noster", "Ave Maria", "Credo" và Mười Điều Răn ra tiếng địa phương, (các kinh) mà Ki-tô hữu đã thuộc lòng. Linh mục cũng viết ra các điều phải tin các mầu

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

nhiệm về Ba Ngôi, về Chúa nhập thể làm người, về chuộc tội, cũng như sự cần thiết của đức tin và các bí tích để được tham dự vào ơn tích của Chúa Ki-tô, Chúa chúng ta. Các Ki-tô hữu chép lại tất cả những điều ấy, và đã bắt đầu lần hạt mân côi y như tại xứ chúng ta (51).

Theo thói quen thực hiện các biên bản hằng năm của các tu sĩ Dòng Tên, "linh mục", tác giả các công trình liên hệ không minh nhiên được nêu tên. Ba tu sĩ Dòng Tên bấy giờ có mặt tạo cơ sở truyền giáo Pulo Cambo (có thể tương ứng với tên gọi Quy Nhơn ngày nay), lúc công trình này tiến hành là: linh mục Buzomi, bị "bệnh nặng", nên không đi giảng cho người ta trở lại được (52), linh mục Pina và linh mục Borri, một người vừa đến và mới bắt đầu học tiếng. Chúng ta hiểu rằng các công trình được thực hiện dưới sự giám sát của Buzomi, cụ thể trên cơ sở truyền giáo Đàng Trong (1615-1618) và hiện là bề trên cơ sở địa phương, nhưng những tác nhân chính yếu thực hiện công trình này là linh mục Pina và chàng thanh niên Việt Nam cộng tác với ông ấy, Theo chính lời xác nhận của chính linh mục Pina, ngay từ năm 1622, ông đã hoàn thành việc xây dựng một hệ thống chuyển mẫu tự la-tinh cho thích hợp với lối phát âm và thanh điệu tiếng Việt Nam. Ông đã làm được một tuyển tập và bắt đầu viết một bản văn phạm. Kết quả đó, linh mục Pina đã đạt được một cách vất vả, với sự trợ giúp của một số ít học sinh Việt Nam qui tụ chung quanh ông (53).

Nhà chép sử Dòng Tên Bartoli cho rằng Buzomi sáng tác một hệ thống văn phạm và ngữ vựng (54). Một trong những chứng lý là một bức thư viết năm 1662 mà chúng tôi không thể tìm ra. Có thể có sự lẫn lộn với Pina chăng. Một cách chung, các xác quyết của Bartoli liên quan đến các kiến thức ngữ học tuyệt vời của người đồng hương của ông là Buzomi lại không ăn khớp với những tài liệu tồn trữ mà chúng ta có thể truy cứu. Ngoài ra cũng cần lưu ý rằng Bartoli xem ra không biết đến những công trình sáng tác ngữ học của Pina, lại nhìn nhận khả năng của vị này.

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

Tiếp sau phần tường thuật về cái chết của nhà truyền giáo Bồ Đào Nha ngày 15 tháng 12 năm 1625, Bartoli đã viết như thế này thay cho bài điệu văn: "Linh mục Pina là người Bồ Đào Nha, thọ 40 tuổi. Ngài được người ngoại giáo mến chuộng, vì ngài nói tiếng của họ như chính ngài là người bản xứ Đàng Trong vậy." (55)

Năm 1624, Francisco de Pina mở trường dạy tiếng Việt cho những người ngoại quốc đầu tiên (56), trong đó có hai học trò rất cự phách: linh mục người Bồ Đào Nha António de Fontes (57), một nhà truyền giáo kỳ cựu và sẽ là một trong những cột trụ cho xứ truyền giáo Đàng Trong và Alexander de Rhodes mà chúng ta nói đến. Vị này sớm được gọi để thành lập xứ truyền giáo Đàng Ngoài, nơi mà Ngài sẽ thực hiện sứ mạng của mình từ năm 1627 đến năm 1630.

(Ngày 15 tháng 12 năm 1625, một tàu buồm Bồ Đào Nha bỏ neo ở vịnh Đà Nẵng, không cập bến được vì sợ bão. Một chiếc thuyền rời cảng đi đến tàu, Pina lên tàu để mang hàng hóa cần thiết lên bờ: rượu vang và bột lúa mì để dâng lễ. Khi trở lại bờ, một cơn gió mạnh làm chìm thuyền; bị vướng bởi chiếc áo dòng, Pina chết đuối, trong lúc thủy thủ đoàn được cứu. Đây là một cái tang cho dân chúng địa phương cũng như cho sở truyền giáo; một chiếu chỉ trực xuất các nhà truyền giáo được đình chỉ thi hành, cho phép cử tang trong ba tháng, và rồi lại bị hủy bỏ luôn.) (58)

Nhưng đừng tưởng rằng sau cái chết bi thảm của Francisco de Pina, các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha đã giảm bớt nỗ lực về ngữ học. Công việc của các vị tiên phong ấy vẫn được tiếp tục ít nhất trong hai thập niên. Cố gắng của họ trước hết nhằm sáng tạo một ngữ vựng Ki-tô giáo và viết ra những phần căn bản về văn chương Ki-tô giáo (59). Vai trò của các văn nhân Ki-tô giáo Việt Nam ở đây cũng rất lớn; một số tên tuổi của họ cần được nêu lên (60).

Mặt khác nỗ lực phân tích văn phạm và ngữ âm tiếng Việt được tiếp tục nghiên

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

cứu một cách có hệ thống để kiến toàn dân dần hồi lối viết bằng mẫu tự La tinh gọi là quốc ngữ, đây là một công trình tập thể, khó mà phân định được phần riêng nào của một ai. Nhưng điều chắc chắn là Alexandre de Rhodes sớm tách ra khỏi công trình tiếp tục này vì vào lúc ấy ông ấy vắng mặt ở xa tận Macao từ năm 1630 đến 1640: ở tại đây, ông thi hành tác vụ của mình trong môi trường sống của người Trung Hoa, mặc dù vẫn tiếp tục theo dõi những tiến bộ được thực hiện tại Việt Nam (61). Chính ông đã nêu tên hai nhà từ vựng học nổi tiếng nhất trong tựa cuốn từ điển (62): hai người Bồ Đào Nha Gaspar do Amaral (63) và António Barbosa (64).

Trong công trình sáng tác độc đáo này của các linh mục Dòng Tên Bồ Đào Nha ở Việt Nam, giai đoạn trưởng thành đánh dấu bằng một cuộc "định chuẩn", một cuộc thảo luận mâu thuẫn được tổ chức tại Macao vào năm 1645 để bàn về một vấn đề gây tranh cãi liên quan đến hệ thống thuật ngữ Ki-tô giáo bằng tiếng Việt (65).

Kho tài liệu lưu trữ còn giữ lại cho chúng ta tên tuổi các chuyên gia lão luyện chỉ phối các cuộc thảo luận: bên cạnh Amaral, được chỉ định như nhà chuyên môn tài ba nhất (*peritissimus*), và Barbosa, còn thấy Baltazar Caldeira, sinh ở Macao, cũng như Manuel Pacheco và Pero Alberto; hai vị sau này đều sinh ở Bồ Đào Nha. Đối diện với họ, Alexandre de Rhodes chủ trương một lập trường trái ngược; và ý kiến của ông bị gạt bỏ. Mặc dầu sau đó một vị Dòng Tên người Sicilia còn trẻ, tên Metello Saccano (66) hăng say hỗ trợ cho lập trường của ông, nhưng rồi quyết định trên vẫn giữ lại.

Thực ra vấn đề không chấm dứt ở cuộc hội năm 1645, Theo đề nghị của Alexandre de Rhodes, vấn đề được đưa về Roma và được nghiên cứu lại trong những năm của thập niên 1650 trước bộ Truyền Bá Đức Tin, và sau đó trước bộ Thánh Vụ (67). Có một bức thư khá kỳ lạ của tu sĩ Dòng Tên người Ý Giovanni Filippo Marini gửi cho các bề trên của mình tại Roma về việc này, thư viết vào

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

năm 1655 (68). Với giọng văn có vẻ tranh cãi, trong thư tác giả nêu lên khả năng đáng nghi ngờ của Rhodes về ngữ học Việt Nam. Tu sĩ này cố đánh giá thấp Rhodes vì Rhodes nói theo tiếng Đàng Trong, "đánh giá quê kệch" so với tiếng chuẩn của kinh đô; cũng với tiếng nói phương nam ấy mà lỗi chính tả trong cuốn Từ Điển dường như thấy xuất hiện trong một vào trường hợp. Nhưng cốt lõi vấn đề không phải ở đó; nó liên quan đến "nghĩa" chính xác của lối nói Hán Việt (không liên quan đến âm giọng địa phương) "nhin danh" (Cha). Lối nói này về mặt thần học mơ hồ vì thiếu một chữ nhằm nói đến số ít về mặt văn phạm. Rhodes đòi phải thêm vào một phụ từ, sợ rằng người ta nghĩ có ba "danh", và như thế là ba quyền lực siêu nhiên khác biệt; trong trường hợp đó, phải chăng đã đi ra ngoài tín lý Ki-tô giáo, và phải chăng phải nghĩ đến chuyện rửa tội. Nên chuẩn này vẫn còn được sử dụng trong Giáo Hội Việt Nam ngày hôm nay. Tất cả các nhà chuyên môn ấy, đều là người Bồ Đào Nha.

Chú thích:

47. Ngoài các tài liệu khác, nên xem Francisco Faria Paulino, Maria Leonor Carvalhão Buescu et alii (dir.), "A gala'xia das língua na estraté gia da Evangelização", Lisbonne, Comissão Nacional para as Comemorações dos Descobrímentos Portuueses, 1992; tr. 54-60, với thư mục trích dẫn; và Anna Paula Laborinho, "A questão da língua na estrate'gia da Evange lização" trong Macau, 31, 1994, tr. 66-72. Nhưng đại tác phẩm liên quan đến tiếng Nhật có vào khoảng giữa thế kỷ 16 và 17: Dictionnarium Latino- Lusitanum ac Japonicum ex Ambrosii Calepini volumine depromptum", Amacusa, 1595, xem bản chụp lại, Tokyo, 1953 và 1979; "Vocabulario da Lingoa de Japam com a declaração em Portuguez", Nangasaqui, 1603. Hai bộ văn phạm Nhật Bản của João Rodrigues ("Arte da Lingoa de Iapam" và "Arte breve da língua Iapoa") đã được in tại Nhật Bản, tuần tự giữa các năm 1604-1608 và vào các năm 1620.

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

48. Chẳng hạn xem lời tựa không đề tên của tác phẩm tập thể do Hoàng Văn Hành điều khiển, "Từ điển yếu tố Hán Việt thông dụng- Dictionary of Sino-Vietnamese everyday usage elements", Hà Nội, Nxb Khoa Học Xã Hội, 1991, tr.5-9. Cũng xem Nguyễn Thị Chân Quỳnh: "Concours de mandarins" (xem chú thích 3).

Chúng tôi không nói đến trường hợp tiếng Đại Hàn, vì tiếng này không được người Âu Châu nghiên cứu trong thời gian liên hệ.

49. Francisco de Pina, sinh tại Guarda năm 1585m vào Dòng Tên năm 1605. Ông học ở Macao từ năm 1613 đến khoảng năm 1616, đặc biệt rành tiếng Nhật. Chịu chức linh mục ở malacca năm 1616, vào cuối năm 1617 đi truyền giáo ở Đàng Trong; chết vì tai nạn tại đây ngày 15.12.1625. Do sự sai lầm của Fortuné-M. De Monte'xon và Edouard Esteve trong "Mission de la Cochinchine et de Tonkin" (Paris, Charles Douniol, 1858, tr.386), một số tác giả nay tiếp tục cho rằng Pina là người Ý. Nhưng tài liệu ghi trong các bản cũ đã nói rõ: xem Josef Franz Schutte, (e'd), "Textus Catalogorum" (chú thích 38) trang 855,955 và "Passim".

50. Xem những chỉ dẫn thư mục nêu lên dưới tên "João Rodrigues" bởi Joseph Dehergne, "Répertoire de Je'suites de Chine de 1552 à 1800", Roma, Institutum Historicum S.II., và Paris, Letouzey et Ané 1973. Về con người và tài năng của ông, xem Michael Cooper, "Rodrigues the Interpreter. An early Jesuit in Japan and China", New York/ Tokyo, Weatherhill, 1974.

51. "Tiene questo, huomo un figlio di sedici an~i il più uiuo et habile diquel loco, et il migliore scrittore nella Irã Cinese, cosa che tra di loroè di molta stima (...)
Questo giuoane che battizzato si chiama Pietro, conle Decalogo; che li Xpĩani già han~o imparato à mentę Compose anche il prẽ nella lingua gl' articoli della fede, ne quali bastantemte si declara hauer un Dio solo, li misterij dell Ssma Trinità, e

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

dell' Incarnatne e Redentione, e la necessità che habbiamo di partecipare i meriti di Chrõ nrõ Sigre per mezzo della fede, e santi sacramenti. Li Xpiãni uan~o tutto scriuendo, e gia cominciano à dire la corona à nrõ modõ.." Bản báo cáo ký tên Francisco Eugenio, tu sĩ Dòng Tên người Ý ở Ma Cao, ghi lại những chỉ dẫn lấy từ một tài liệu khác "Annua del Collegio di Macaõ del 1618" (AERSI, JAP.- SIN, 114, trang 176-185). Bản văn trên trích ở các trang 183v-184.

52. Câu văn trích ở Trang 183v.

53. Những tài liệu này trích từ một bức thư mà chúng tôi nghĩ là nay chỉ còn một bản ở Văn Khố Dòng Tên tại Ma Cao, và chúng tôi giữ nguyên văn và phân bình chú: Lisbonne, Biblioteca da Ajuda, "Jesuítas na A'sia" quyển 49/V/7, trang 413-416. Thư không đề ngày và không ký tên; người chép lại (José Montanha hoặc Manuel A'lvaes, vào khoảng năm 1755) chú rằng có thể do chính tay của Pina viết, và cho niên kỷ vào khoảng năm 1622-1623. Chúng tôi có thể chứng minh chắc chắn tác giả là Pina và niên kỷ (những tháng đầu 1623) có thể là xác thực hơn cả: xem Roland Jacques, "L'oeuvre de quelques pionniers portugais dans le domaine de la linguistique vietnamienne jusqu'en 1650": Luận văn D.ĒẠ trình tại Paris. INALGO, 1995 (đang in).

54. Daniello Bartoli, "Dell' Historia della Compagnia di Giesu La Cina Terza parte dell' Asia", Roma, Stamperia del Varese, 1663, tr.618.

55. "Era il P. Pina di antion Portoghese, in età di quaranta anni, caro anche a gl' idolatri, percioche ne parlaua la lingua quanto Cocicinese natiuo" ("La Cina", tr. 834).

56. Xem thư của Fernandes gửi Nuno Mascarenhas, đề ngày 2.7.1625 tại Phe-phô:

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

ARSI, JAP.-SIN. 68 (tr. 11-12): "... Một nhà (dòng) đã được tổ chức tại Cachão, thủ phủ của chúa (Nguyễn); cho đến nay, nhà đó không thuộc về số các nhà của Hội Dòng, mặc dầu có một cha luôn cư ngụ đó với một người bạn dòng. Bây giờ, cha Francisco de Pina ở đây và dạy tiếng nói cho các cha Alexandre de Rhodes và António de Fontes."

57. António de Fontes, sinh năm 1569 ở Lisbonne, nhập dòng năm 1584; ngài được uỷ thác nhiệm vụ truyền giáo tại Đàng Trong từ 1624 đến 1631, rồi tại Đàng Ngoài và cư ngụ ở đây nhiều lần cho đến năm 1648.

58. Xem Gaspar Luis, "Cocincinicae missionis annuae litterae anni 1625", ARSI, JAP.-SIN. 72 (tr. 50-67). (tr. 59v-59); và bài tường thuật không đề tác giả "Relaçã de huã perseguicaõ da Christandade de Cochinchina" (1626): tldd., JAP.-SIN. 68, tr. 39-40 và 41-42.

59. Công trình nghiên cứu giá trị nhất hiện nay về đề tài này hẳn là tác phẩm của linh mục Dòng Tên Việt Nam Joseph Đỗ Quang Chính: "Lịch sử chữ Quốc Ngữ 1620-1659", Sài Gòn, 1972; tái bản Paris., Đường Mới, 1985. Tuy nhiên tác giả gặp trở ngại vì không sành tiếng Bồ Đào Nha Công trình nghiên cứu cần được bắt đầu và bổ túc với toàn bộ tài liệu viết tay còn lưu Về buổi đầu văn chương Kitô giáo, xem Georg Schurhammer, "Annamistische Xaveriusliteratur" (Văn chương Việt Nam liên quan đến Francisco Xavier) trong Johannes Rommerskirchen và Nikolaus Kowalski(ed.), "Missionswissenschaftliche Studien, Festgabe Pr.Dr. Johannes Dindinger (...)" (Các công trình nghiên cứu khoa học truyền giáo, ca ngợi gs. J.D.), Aix-la-Chapelle. Willhelm Metz. 1951, tr. 300-314; Võ Long Tê, "Dẫn nhập nghiên cứu tiếng Việt và chữ Quốc Ngữ" (Reichstett -Pháp- Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ/ Định Hướng Tùng Thư, 1997, và Nguyễn Văn Trung (Dr.), "Về sách báo của tác giả Công giáo (thế kỷ XVII-XIX)- Phân khoa Văn

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

Chương Đại Học TP. HCM., 1993, đặc biệt là những đóng góp của Thanh Lãng và Võ Long Tê.

60. Về vấn đề tham gia của các Kitô hữu Việt Nam và các công trình sáng chế ngữ học thế kỷ 17, xem Hoàng Tuệ "Về việc sáng chế chữ quốc ngữ" trong "90 ans de recherches sur la culture et l'histoire du Việt Nam", Hà Nội, EFEO, 1995, tr. 456-460; và Nguyễn Đình Đầu "Alexandre de Rhodes và chữ Quốc ngữ" trong "Tuyển tập Thần Học", 8/1993, tr.47-84.

61. Trong tác phẩm của ông "Divers voyages et missions" (xem chú thích 9), Rhodes cho ta khá nhiều yếu tố về cuộc đời ông. Để nói rõ về nỗ lực của riêng ông trong công trình ngữ học, chúng tôi sẽ xuất bản một bản viết tay của ông, viết vào năm 1632 và chưa từng được phổ biến; trong tài liệu này, vào thời gian ấy ta sẽ thấy rõ thực trạng và những thiếu sót của ông về các kiến thức liên quan đến cách phát âm tiếng Việt.

62. Alexandre de Rhodes, "Dictionnarium annamiticum, lusitanum et latinum", "Ad Lectorem", bản văn ở đầu sách không đề trang.

63. Gaspar do Amaral, sinh năm 1594 tại Curvaceira (nay là freguesia de Chão de Tavares gần Mangualde, huyện lỵ của Viseu), nhập hội Dòng Tên năm 1607. Trước hết làm giáo sư ở Braga, Coimbra và E'vora, rồi đi Phương Đông năm 1623. Ông được gửi đến truyền giáo ở Đàng Ngoài năm 1629 và 1638, và cư ngụ tất cả là bảy năm trong hai kỳ khác nhau Sau đó tại Ma Cao, ông giữ chức vụ viện trưởng, phó tỉnh dòng, rồi làm kinh lược trong các vùng truyền giáo Ông chết vào tháng 2 năm 1646, trên các bờ biển đảo Hải Nam trong một tai nạn đắm tàu chở ngài đến Đàng Ngoài. Vào thời ngài mất, ngài được xem là người chuyên môn có khả năng nhất trong Hội Dòng Tên về tiếng Việt.

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ

64. António Barbosa, sinh năm 1594 ở Arrifana do Sousa (nay là Penalfiel phía đông của Porto), nhập hội Dòng Tên tại Lisbonne năm 1624 và sau đó không lâu đi Phương Đông. năm 1629, ông được gửi đến truyền giáo tại Đàng Trong, và vào năm 1636 thì đến Đàng Ngoài Năm 1642, vì bệnh, ông bắt buộc phải trở về lại Ma Cao, rồi Goa và chết ở đây năm 1647.

65. Xem J.F. Schutte, "Textus Catalogorum" (xem chú thích 41), tr. 1034-1050. Xem các tài liệu: ARSI, JAP.-SIN. 80, tr. 35-38v và 73-81; Lisbonne, Biblioteca da Ajuda "Jesuítas na A'sia", 49/V/13. tr. 351-373 và 661-663; 49/V/32, tr. 308-327v.

66. Baltazar Caldeira, sinh ở Ma Cao năm 1608, truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 1639; năm 1646 được gửi vào Đàng Trong nhưng cùng năm đó bị trục xuất; ngài chết ở Goa năm 1674. Manuel Pacheco, sinh ở Cantanhede Bồ Đào Nha, truyền giáo ở Đàng Ngoài từ 1641 đến 1642; phần chính của sự nghiệp ngài là làm giáo sư tại phân khoa nghệ thuật ở học viện Ma Cao (Faculté des Arts du Collège de Macao), trong đó có dạy các ngôn ngữ; ngài chết tại đây năm 1647. Pero Alberto, sinh ở Bragança (?) truyền giáo ở Đàng Trong vào 1640-1641, và sau đó từ 1641 ở Đàng Ngoài; ngài chết trên chuyến tàu về Ma Cao, tàu bị chìm năm 1646, cùng với Gaspardo Amaral. Metello Saccano, sinh ở Messine, đã từng rời Lisbonne để đi Phương Đông năm 1643, truyền giáo ở Đàng Trong giữa các năm 1646-1655, và sau đó còn trở lại vào năm 1662; một vài tháng sau ngài chết ở đây.

67. Xem các tài liệu: Lisbonne, Biblioteca da Ajuda, "Jesuítas na A'sia", 49/V/32, tr. 521-522v và 681-681c; 49/V/61. tr. 231v-252v và 362v-377.

68. ARSI.JAP.- SIN, 80, tr.88-89v và 96-96v.

Bồ Đào Nha và chữ Quốc ngữ